**Bài 1:** **Choose the future active or passive complete the sentences.**

*( Chọn thì tương lai chủ động hay bị động để hoàn thành câu)*

**Phương pháp giải:**

Nếu chủ thế gây ra hành động đứng ở đầu câu làm chủ ngữ => câu chủ động

Nếu chủ ngữ là đối tượng bị tác động vào => câu bị động

**Lời giải chi tiết:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.B | 3.B | 4.A | 5.A | 6.B |

**1.** Teenagers\_\_\_\_in important decisions concerning their lives.

**A will participate**                  B. will be participated

*(Thanh thiếu niên sẽ tham gia vào những quyết định quan trọng liên quan đến cuộc sống của chúng.)*

**2.** Trees\_\_\_\_\_ on both sides of the streets.

A will plant                           **B. will be planted**

***(****Cây sẽ được trồng hai bên đường.)*

3. All the information you need for the report \_\_\_\_\_\_tomorrow.

A will provide                       **B. will be provided**

***(****Tất cả những thông tin bạn cần cho bài báo cáo sẽ được cung cấp vào ngày mai.)*

4. When put into operation, this factory\_\_\_\_\_\_\_tons of cheese a day.

**A will produce**                         B. will be produced

***(****Khi bắt đầu hoạt động nhà máy này sẽ sản xuất 10 tấn phô mai một ngày.)*

5. In the near future, e-books\_\_\_\_\_\_ paper books in school.

**A. will replace**                          B. will be replaced

*(Trong tương lai sách điện từ sẽ thay thế sách giấy ở trường.)*

6. The principal promises that safety measures  \_\_\_\_\_\_ immediately\_\_\_\_\_.

A. Will - apply                         **B. will - be applied**

*(Hiệu trưởng hứa rằng những biện pháp an toàn sẽ được áp dụng ngay lập tức)*

**Bài 2:** **Rewrite the sentences without changing original meanings.**

*( Viết lại câu không đổi nghĩa so với câu ban đầu)*

**Lời giải chi tiết:**

**1.** They will also hold classes in places like restaurants or supermarkets.

*(Họ cũng sẽ tổ chức lớp học ở những nơi như nhà hàng và siêu thị)*

**=> Classes will also be held in places like restaurants or supermarkets.**

*(Các lớp học cũng sẽ được tổ chức ở những nơi như nhà hàng hay siêu thị.)*

**2.** The school will constantly tailor its curriculum to meet changes in society.

*(Trường học sẽ liên tục điều chỉnh giáo án để đáp ứng sự thay đổi của xã hội)*

**=> The school's curriculum will constantly be tailored to meet changes in society.**

*(Chương trình giảng dạy của trường sẽ liên tục được điều chỉnh để đáp ứng những thay đổi trong xã hội.)*

**3.** Schools will not evaluate students' academic performance through exams only.

*(Trường học sẽ không đánh giá học lực của học sinh chỉ thông qua các bài thi)*

**=> Students' academic performance will not be evaluated through exams only.**

*(Kết quả học tập của học sinh sẽ không được đánh giá qua các kỳ thi.)*

**4.** Men will no longer make all the decisions in the family.

*(Đàn ông sẽ không còn đưa ra mọi quyết định trong gia đình)*

**=> Not all the decisions in the family will be made by men.**

*(Không phải tất cả các quyết định trong gia đình sẽ do nam giới thực hiện.)*

**5.** High technology will free women from most housework.

*(Công nghệ cao sẽ giải phóng phụ nữ khỏi hầu hết công việc nhà)*

**=> Women will be freed from most housework by high technology.**

*(Phụ nữ sẽ được giải phóng khỏi hầu hết các công việc gia đình bằng công nghệ cao.)*

**6.** They will build more flyovers to reduce traffic in the city.

*(Họ sẽ xây dựng nhiều cầu vượt hơn để giảm giao thông trong thành phố)*

**=> More flyovers will be built to reduce traffic in the city.**

*(Thêm nhiều cầu vượt sẽ được xây dựng để giảm lưu lượng giao thông trong thành phố.)*

**Bài 3: Put a comma/commas where necessary in the sentences.**

*( Đặt một hay nhiều dấu phẩy ở nơi cần thiết trong câu)*

**Lời giải chi tiết:**

**1.** Minh told me about his new job, which he's enjoying very much.

*(Minh kể tôi nghe công việc mới của anh ấy mà anh ấy rất thích.)*

**2.** The Board of Directors is usually those who get the most votes.

*(Ban Giám đốc thường là những người nhận nhiều phiếu bầu chọn nhất.)*

**3.** The US, which stands for the United States, is sometimes confused with the UN, which stands for the United Nations.

*(Từ US viết tắc cho the United States thỉnh thoảng gây nhầm lẫn với UN viết tắt của the United Nations.)*

**4.** Jack London, who is the author of The Call of The Wild, is a famous American writer.

*(Jack London tác giả của tiếng gọi hoang dã là một nhà văn nổi tiếng người Mỹ.)*

**5.** Psychology, which is the study of the mind, originates from a Greek word.

*(Tâm lý học ngành nghiên cứu về suy nghĩ có nguồn gốc từ Hy Lạp.)*

**6.** Jane refused a position that would be a dream job for many of her peers.

*(Jane từ chối vị trí là công việc mơ ước của nhiều bạn bè của cô.)*

**Bài 4:  Cross out the relative clause which can be omitted without causing confusion to the meaning of the sentence.**

*( Gạch bỏ mệnh đề quan hệ có thể lược bỏ mà bạn không gây khó hiểu về nghĩa của câu)*

**Lời giải chi tiết:**

**1.**Sarah works for a company that makes bikes.

*(Sarah làm việc cho một công ty sản xuất xe đạp.)*

**2.**I’ve got a sister called Caroline, who is now on a tour around Canada.

*(Tôi có một chị gái tên là Caroline, bây giờ đang đi du lịch quanh Canada. )*

**=> I’ve got a sister called Caroline.**

**3.**This morning I met my ex-classmate Janet, whom I hadn’t seen for ages.

*(Sáng nay, tôi gặp bạn học cũ Janet, tôi đã không gặp nhiều năm rồi. )*

**=> This morning I met my ex-classmate Janet.**

**4.**The 6.30 bus, which I often take to school, was late today.

*(Chuyến xe buýt 6.30, tôi thường đón đến trường, hôm nay đến muộn. )*

**=> The 6.30 bus was late today.**

**5.**Only those who had booked in advance were allowed in.

*(Chỉ những người đặt chỗ trước mới được phép vào. )*

**6.**The stairs which lead to the basement are rather slippery.

*(Những bậc thanh dẫn đến tầng hầm rất trơn. )*

**Bài 5: Combine two sentences into one. Use the sentence in brackets to make a non-defining relative clause.**

*( Kết hợp hai câu thành 1. Dùng 1 câu trong ngoặc để tạo thành mệnh đề quan hệ không xác định)*

**Lời giải chi tiết:**

**1.**We are staying at the Grand Hotel. (It will be demolished for a department store.)

*(Chúng tôi đang ở khách sạn Grand. Nó sẽ được sửa thành cửa hàng tạp hóa)*

**=> We are staying at the Grand Hotel, which will be demolished for a department store.**

*(Chúng tôi đang ở khách sạn Grand, nơi mà sẽ được sửa thành cửa hàng tạp hóa.)*

**2.**The essays will be assessed by Hans de Wit. (He is the President of the EAIE.)

*(Bài văn sẽ được đánh giá bởi Han de Wit. Ông là chủ tịch của EAIE)*

**=> The essays will be assessed by Hans de Wit, who is the President of the EAIE.**

*(Bài văn sẽ được đánh giá bởi Han de Wit, người mà là Chủ tịch của EAIE. )*

**3.**The Second World War destroyed hundreds of cities in Europe. (It lasted from 1939 to 1945.)

*(Chiến tranh thế giới thứ hai đã phá hủy hàng trăm thành phố ở châu Âu. Nó kéo dài từ 1939 đến 1945)*

**=> The Second World War, which lasted from 1939 to 1945, destroyed hundreds of cities in Europe.**

*(Thế chiến thứ hai, cái mà kéo dài từ 1939 đến 1945, đã phá hủy hàng trăm thành phố Châu Âu.)*

**4.**I have read several short stories by Jack London (He is a famous American writer.)

*(Chúng tôi đã đọc một số truyện ngắn của Jack London. Ông là nhà văn nổi tiếng người Mỹ)*

**=> I have read several short stories by Jack London, who is a famous American writer.**

*(Tôi đã đọc một số truyện ngắn của Jack London, người là một nhà văn nổi tiếng người Mỹ.)*

**5.**The Eiffel Tower was built over two hundred years ago. (It is on the River Seine.)

*(Tháp Eiffle được xây dựng cách đây hơn 200 năm. Nó trên sông Seine)*

**=> The Eiffel Tower, which is on the River Seine, was built over two hundred years ago.**

*(Tháp Eiffel, cái mà trên sông Seine, được xây dựng cách đây hơn 200 năm trước.)*